

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội

Ngày 30/09/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.0%	0%	0.9%

DT thuần Q3/25	259	tỷ VNĐ
QoQ: ▼362 -58.3%		
YoY: ▼151 -36.9%		

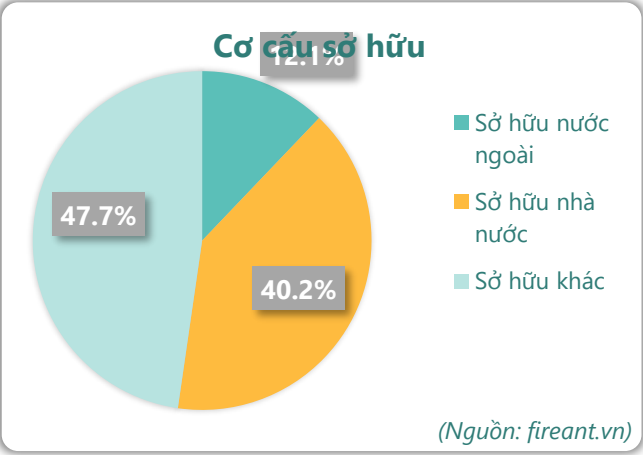
LN thuần Q3/25	2.55	tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.9 -93.7%		
YoY: ▼24.8 -90.7%		

LN sau thuế Q3/25	2.29	tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.8 -92.9%		
YoY: ▼18.7 -89.1%		

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	1.4%
YoY: +/-▼ 5.3%	

ROE (TTM) Q3/25	11.5%
YoY: +/-▼ 4.6%	

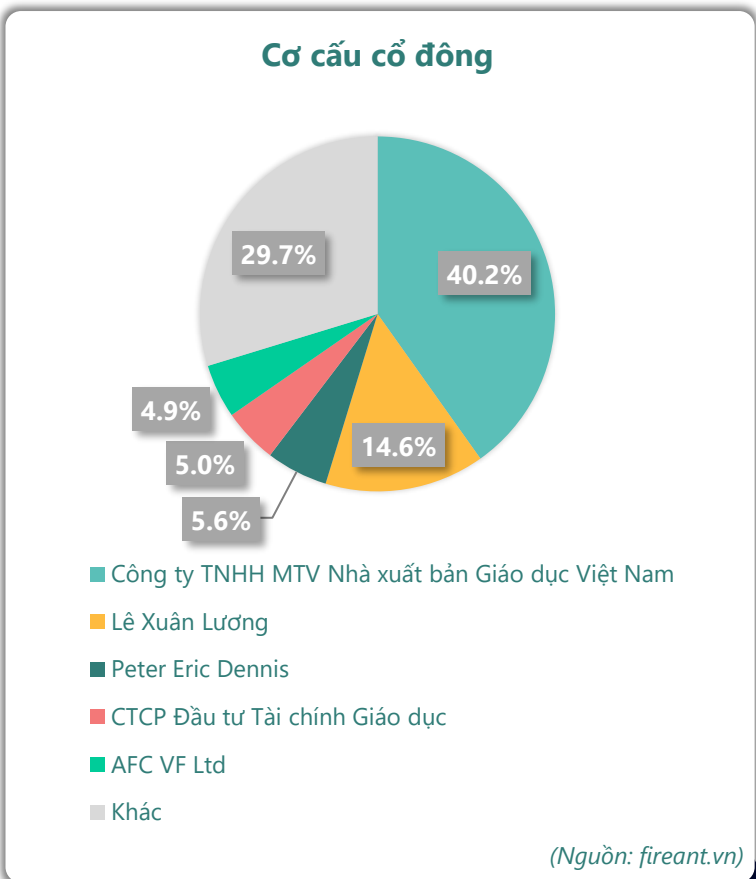
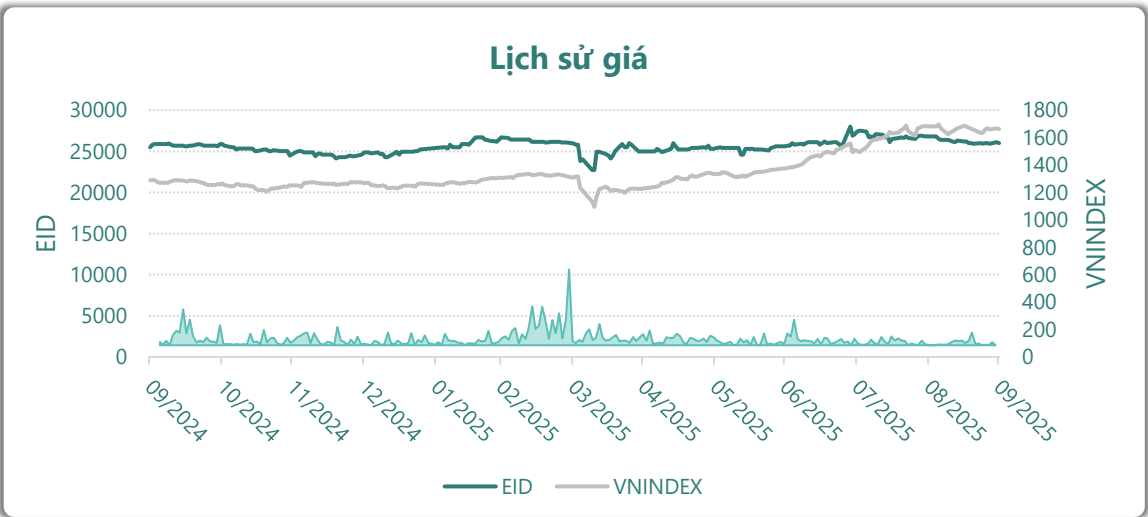
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	22,718 - 28,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	390
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,490
Sở hữu nước ngoài	12.1%
Beta	0.65
EPS	3,557
P/E	7.3



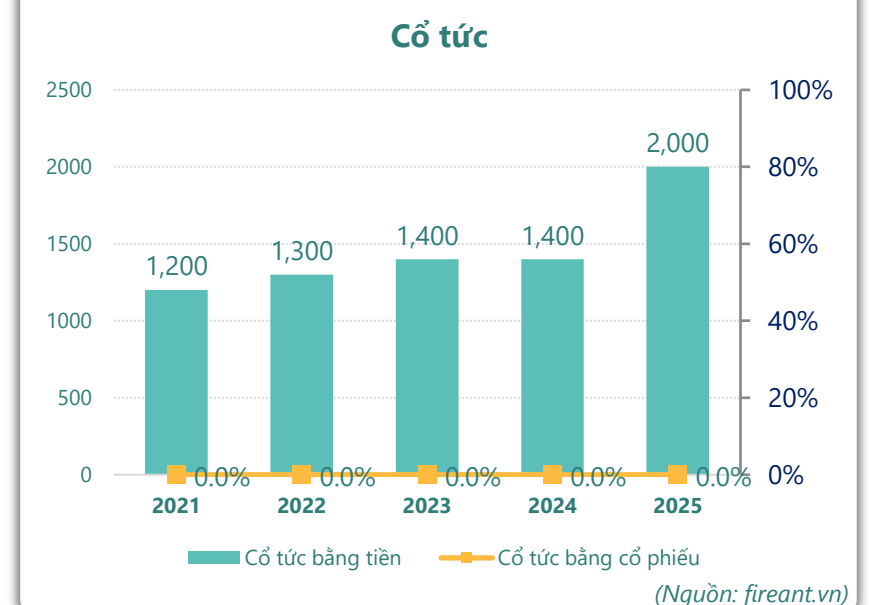
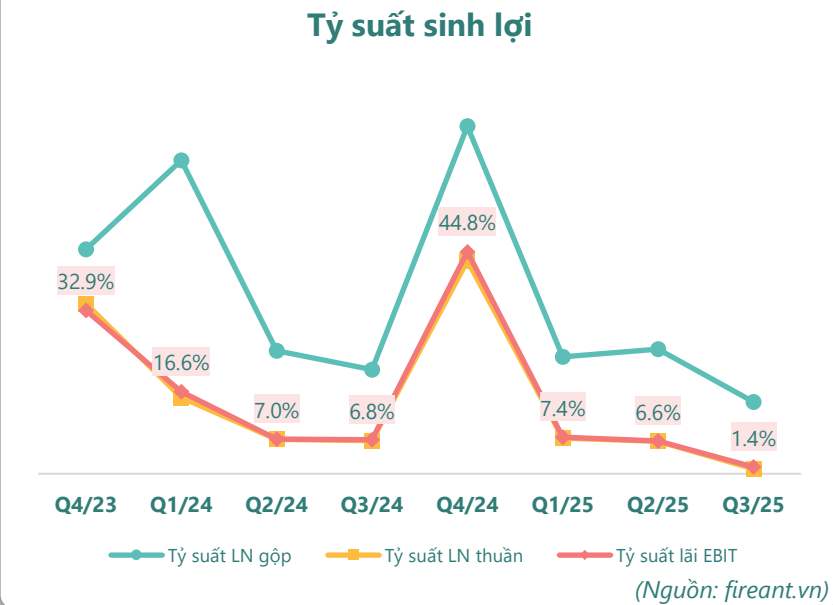
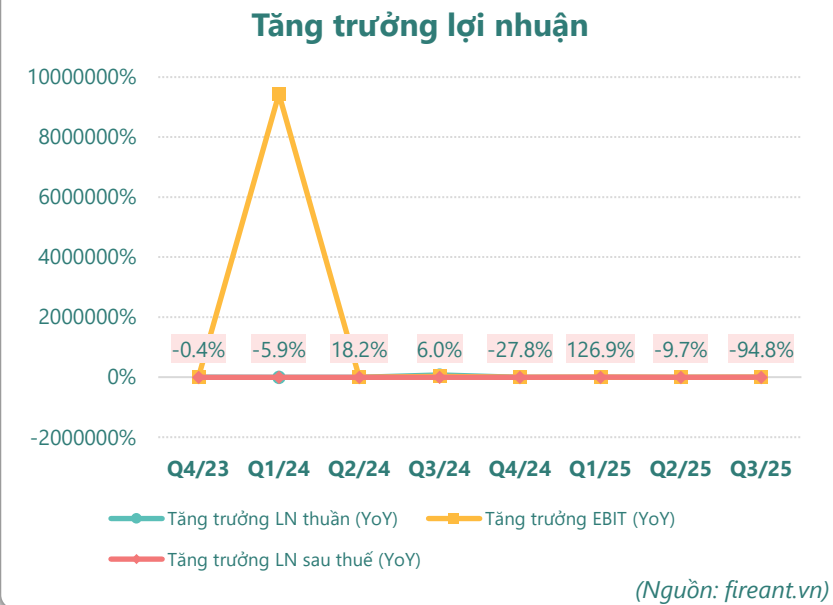
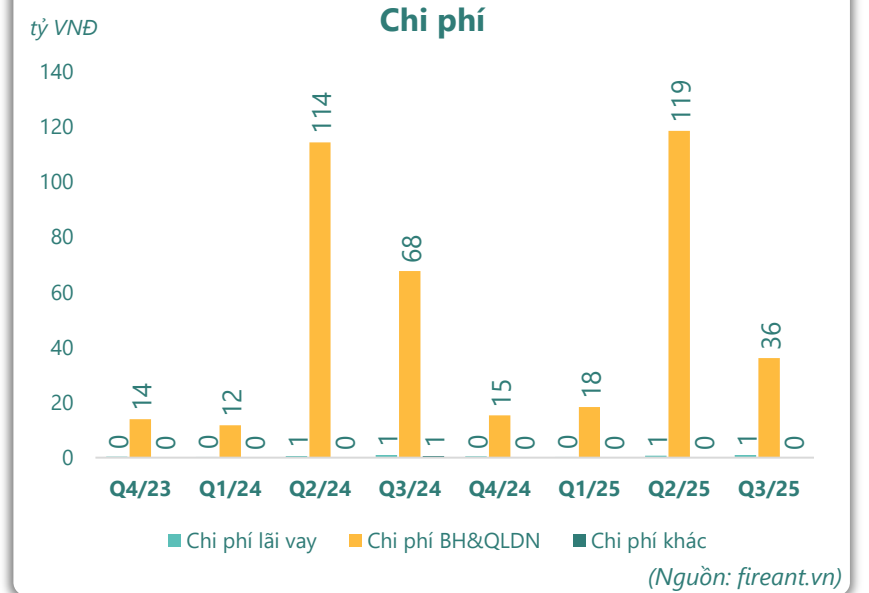
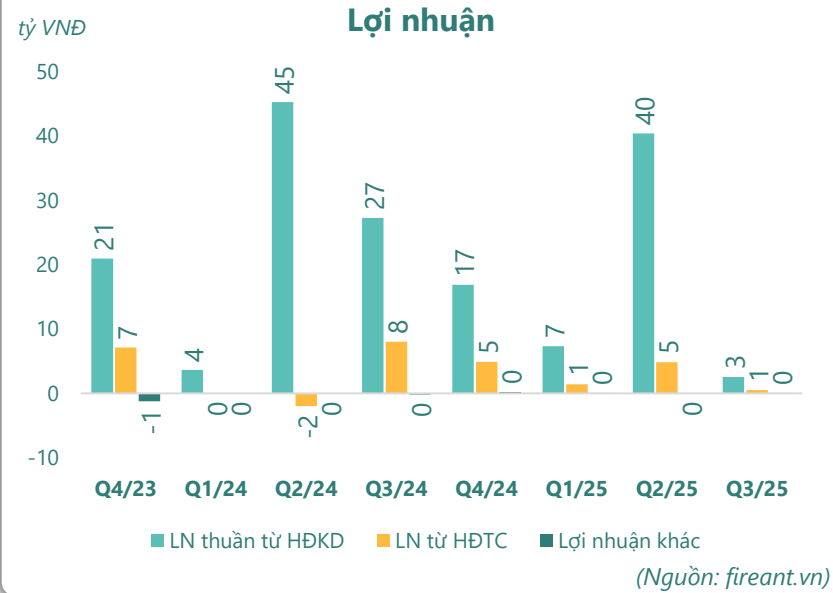
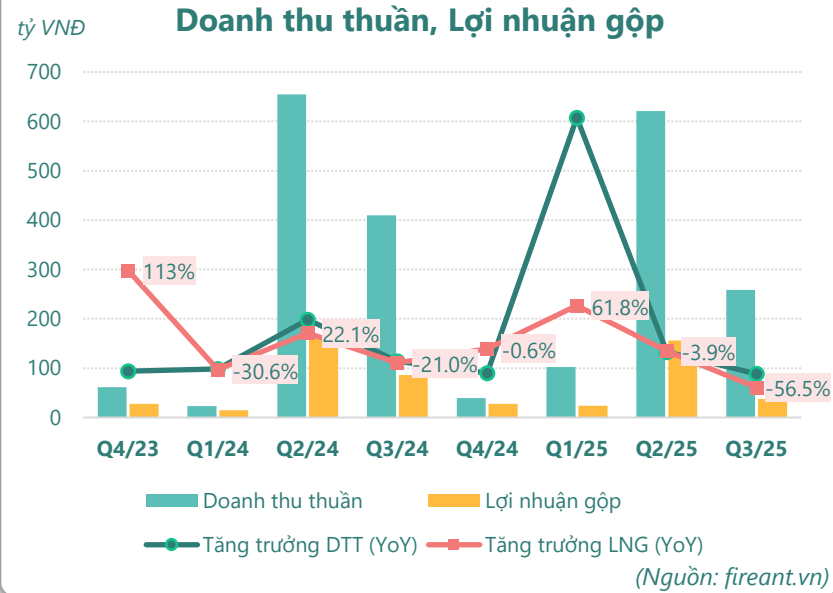
DT thuần 9T 2025	982	tỷ VNĐ
YoY: ▼106 -9.8%		

LN thuần 9T 2025	50.3	tỷ VNĐ
YoY: ▼25.9 -34.0%		

LN sau thuế 9T 2025	40.2	tỷ VNĐ
YoY: ▼19.7 -33.0%		



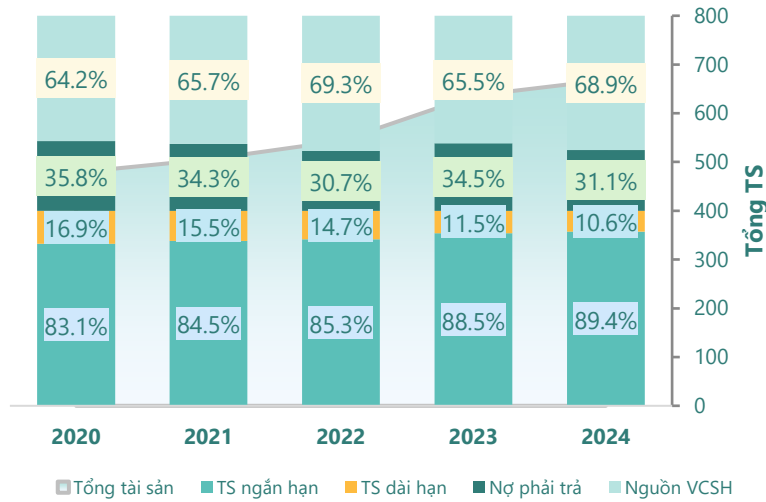
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

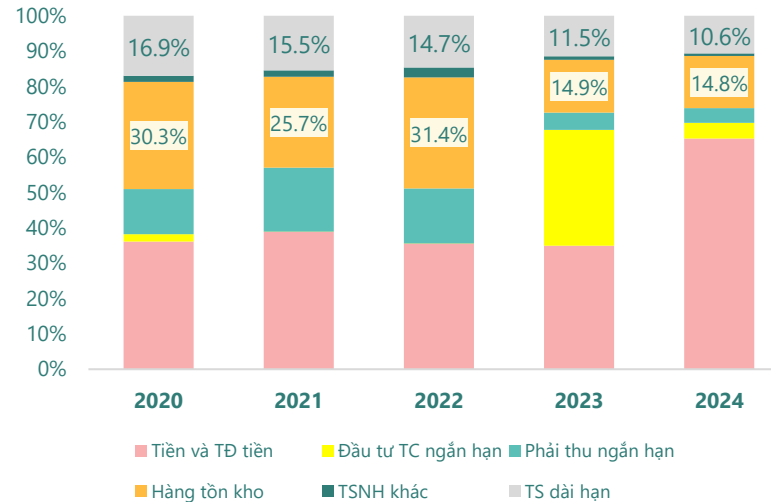
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

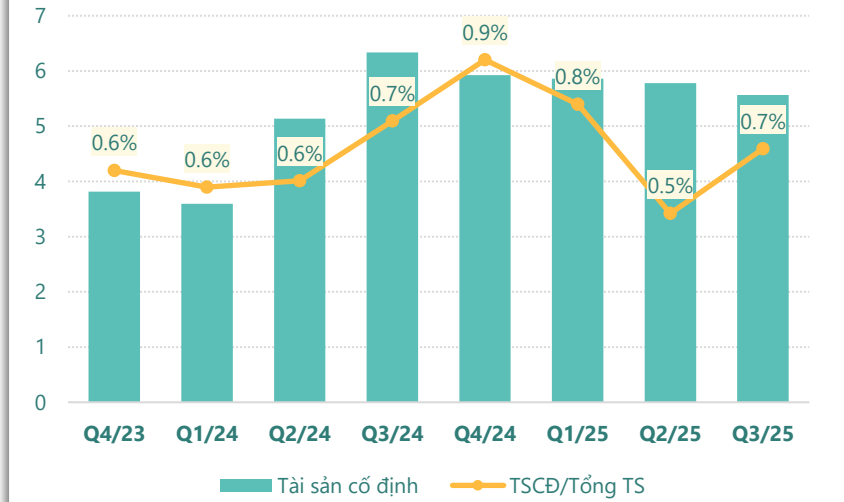
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

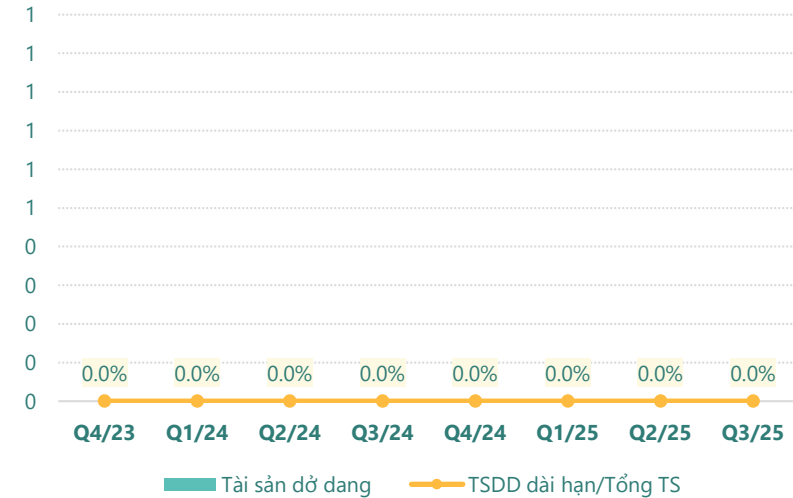
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

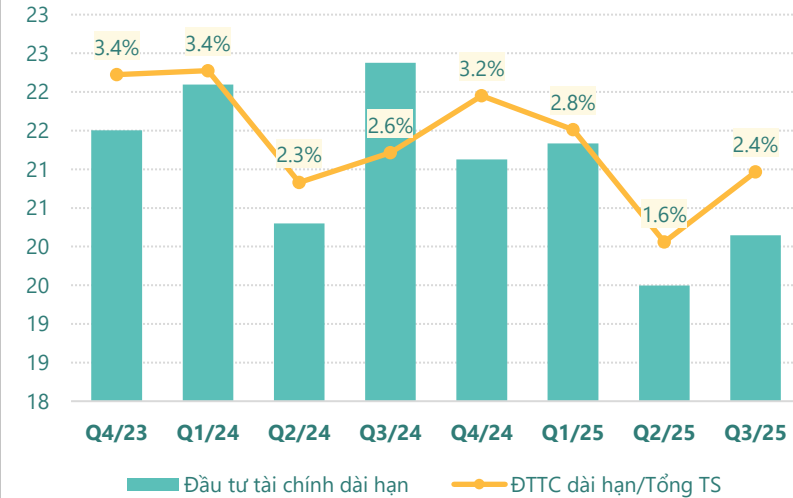
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

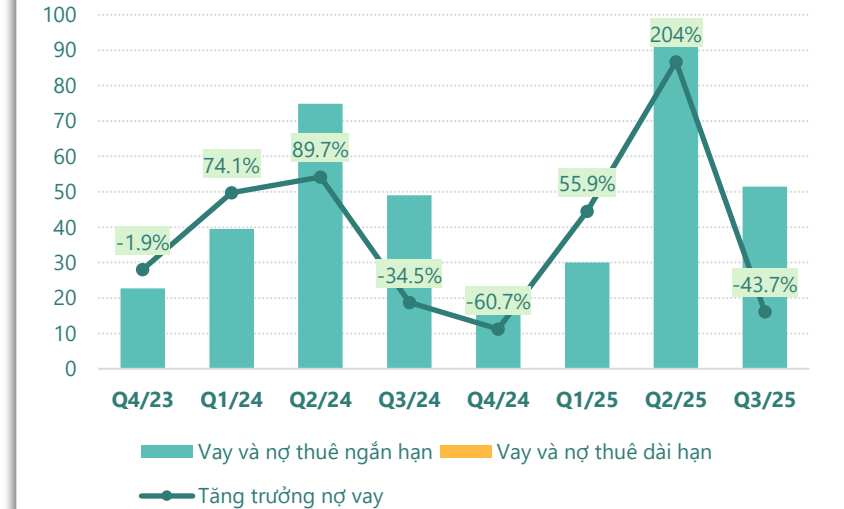
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

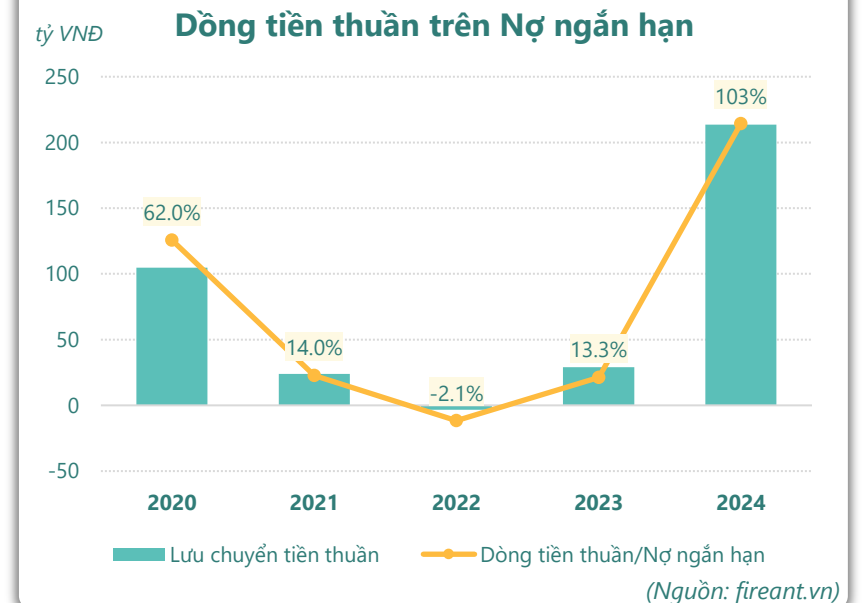
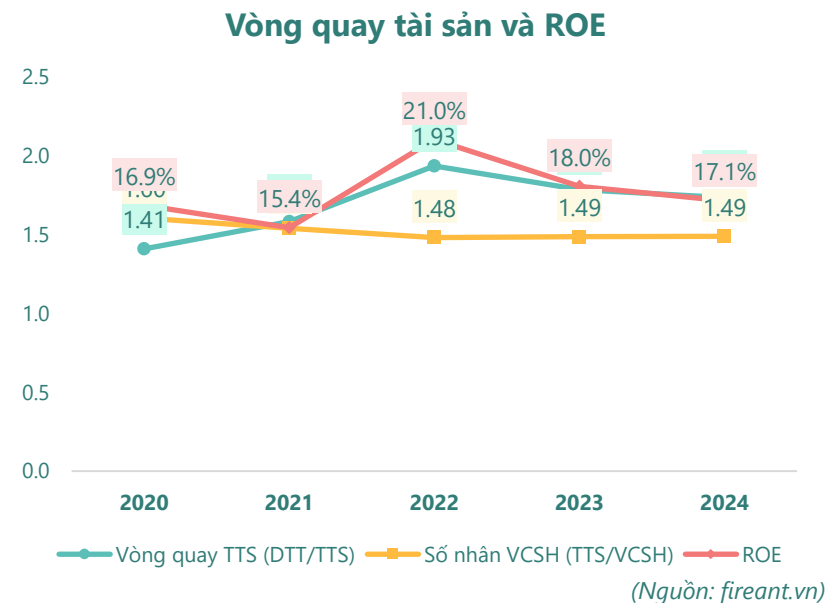
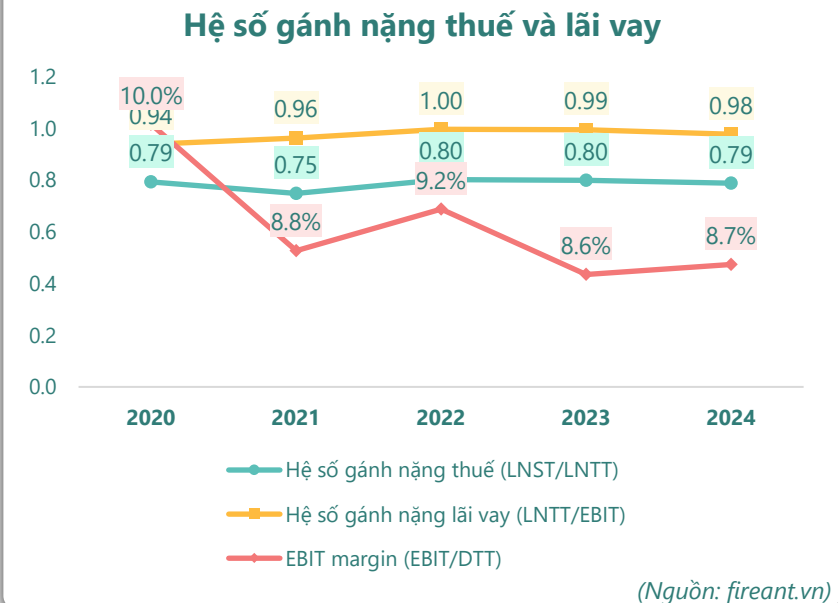
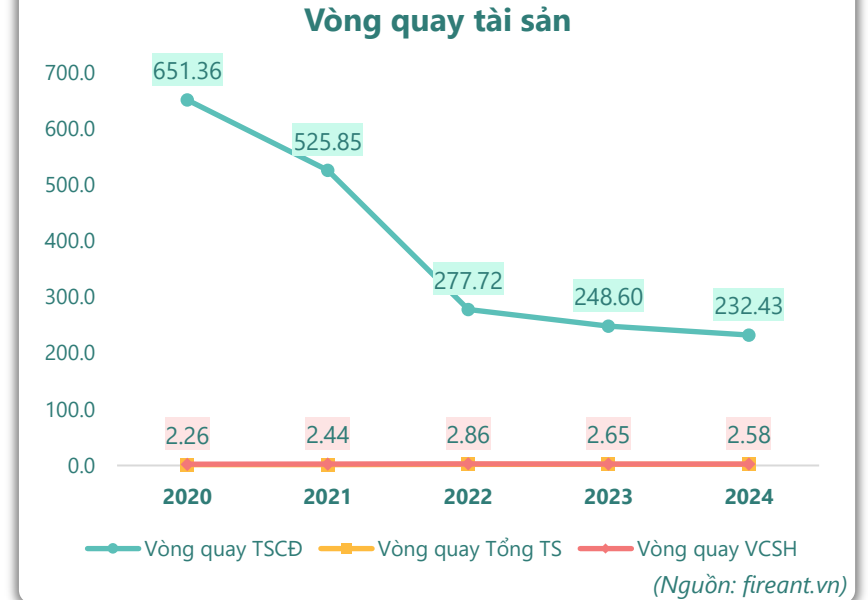
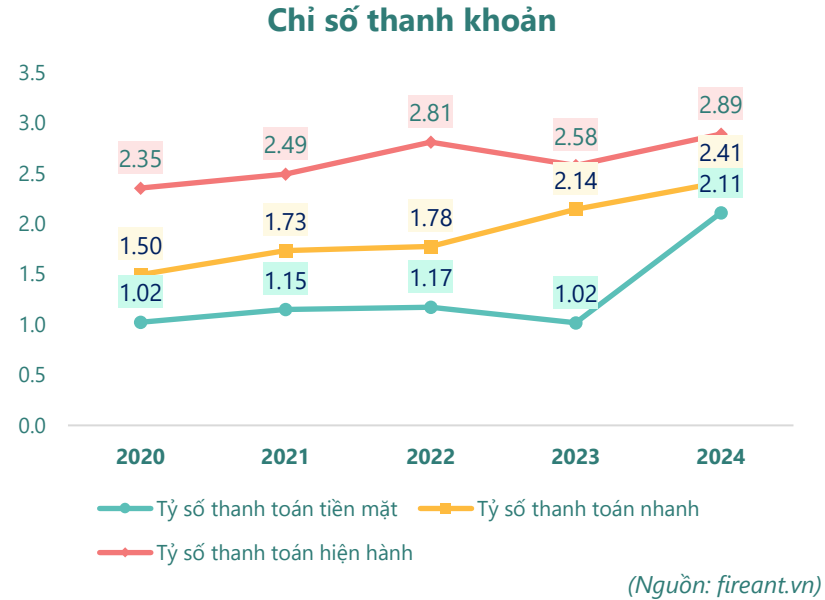
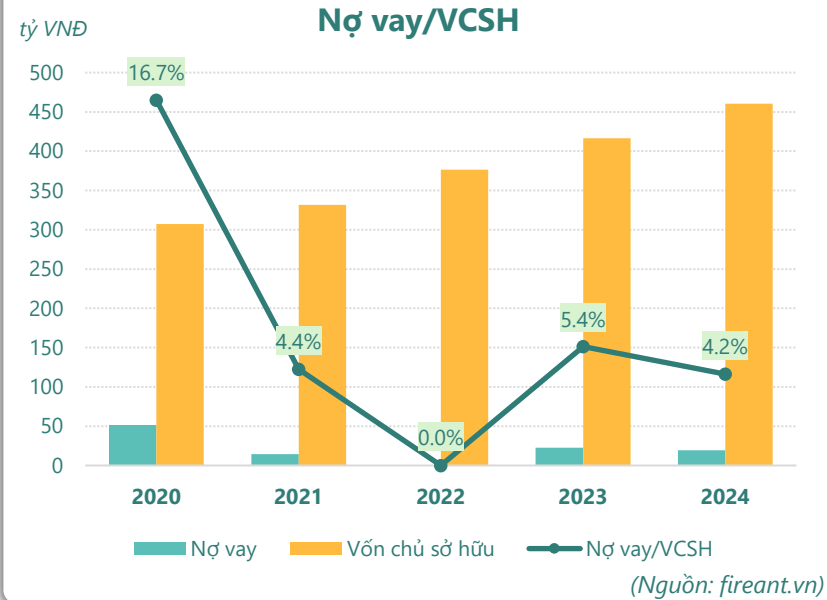
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	259	410	-36.9%	982	1,088	-9.8%
Giá vốn hàng bán	221	324	-31.7%	764	825	-7.3%
Lợi nhuận gộp	37.5	86.2	-56.5%	218	263	-17.4%
Doanh thu HĐTC	2.53	9.04	-72.0%	12.1	14.2	-14.8%
Chi phí TC	1.99	1.02	95.2%	5.25	8.18	-35.8%
Chi phí lãi vay	0.91	0.91	0.0%	1.84	1.80	2.2%
LN trong công ty LKLD	0.65	0.86	-24.4%	-0.95	0.87	-209%
Chi phí bán hàng	24.0	40.7	-40.9%	117	127	-7.5%
Chi phí QLDN	12.1	27.1	-55.3%	55.7	67.0	-16.9%
LN thuần từ HĐKD	2.55	27.3	-90.7%	50.3	76.2	-34.0%
Lợi nhuận khác	0.07	-0.16	143%	0.07	-0.17	140%
LN trước thuế	2.62	27.1	-90.4%	50.4	76.1	-33.7%
Lợi nhuận sau thuế	2.29	21.0	-89.1%	40.2	59.9	-33.0%
LNST của CĐ cty mẹ	2.25	21.4	-89.5%	40.6	60.6	-32.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-177	109	263	-77.5	-32.9	-3.35
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	117	8.87	69.5	-85.5	-12.0	5.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.3	-25.8	-29.8	10.8	31.2	-40.0
Tiền đầu kỳ	86.8	41.3	133	436	284	270
Lưu chuyển tiền thuần	-45.4	92.1	303	-152	-13.7	-37.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	41.3	133	436	284	270	233

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	849	668	27.0%
Tài sản ngắn hạn	781	597	30.8%
Tiền và tương đương tiền	233	436	-46.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	135	30.2	348%
Phải thu ngắn hạn	301	27.4	998%
Hàng tồn kho	108	98.7	9.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.05	4.94	-17.9%
Tài sản dài hạn	67.4	71.2	-5.3%
Phải thu dài hạn	0.05	0.04	11.9%
Tài sản cố định	5.57	5.92	-6.0%
Bất động sản đầu tư	40.1	42.7	-6.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.1	21.1	-4.5%
Tài sản dài hạn khác	1.52	1.38	10.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	379	208	82.1%
Nợ ngắn hạn	377	207	82.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.4	19.3	167%
Phải trả người bán ngắn hạn	116	32.4	257%
Nợ dài hạn	1.25	1.30	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	470	461	2.1%
Vốn chủ sở hữu	470	461	2.1%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

